

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang
Bà Đặng Thị Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14/6/2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **H**, sinh ngày 26/3/1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Nguyễn H** – Văn phòng luật sư Nguyễn H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông **CHIH**, sinh ngày 03/11/1979.

Địa chỉ: Số 29, Lầu 2, Hẻm 32, đường B, Khóm 015, phường C, Khu L, thành phố B, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2021 của nguyên đơn bà H trình bày:

Bà H và ông Chih có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2020 tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L. Sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm nên từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay thì vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Chih. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có.

- Trong văn bản đề ngày 22/02/2021 của bị đơn ông Chih trình bày:

Ông Chih đồng ý ly hôn với bà H vì cả hai người luôn bất đồng quan điểm và không thể sống chung với nhau. Thời gian chung sống thì vợ chồng không có con chung, tài sản chung không có và không có nợ bất kỳ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bệnh

dịch Covid – 19 dẫn đến ông không thể qua Việt Nam để dự phiên tòa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đối với ông Chih.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông Chih. Trong quá trình chung sống, bà H và ông Chih không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Chih. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không đặt ra giải quyết. Bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ tiền chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà H và ông Chih có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2020, được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà với ông là hợp pháp.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa bà H với ông Chih thì bà H là công dân Việt Nam và ông Chih là người nước ngoài đang định cư tại Đài Loan nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 22/02/2021, ông Chih có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngày 07/4/2022, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi kết hôn, bà H và ông Chih chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khi ông Chih trở về Đài Loan, còn bà H ở lại Việt Nam. Do mỗi người sống một nơi nên dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống, không thể hòa hợp được. Từ tháng 02 năm 2020 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Lẽ ra, về tình nghĩa vợ chồng thì bà H và ông Chih phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy bà H và ông Chih không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa theo yêu cầu ly hôn của bà H thì ông Chih đồng ý. Do đó, theo yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Bà H và ông Chih đều khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000đ chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Chih.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Bà H và ông Chih đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003360 ngày 14/6/2021 và số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo biên lai thu số 0003362 ngày 15/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên bà H không phải nộp thêm.

[4] Về thời hạn kháng cáo:

Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Ông Chih có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CATAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND huyện B, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa